

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HSST
Ngày 03- 9 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thanh Đình.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Duy Vinh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hồng - Kiểm sát viên.

Từ ngày 29 tháng 8 đến ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1996 tại thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, Hện T, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-01-2019 cho đến nay; Có mặt.

2. Rơ Ông Ha B (tên gọi khác: T), sinh ngày 23 tháng 10 năm 1997 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, Huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: cill; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Rơ Ông Ha B và bà K' N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-01-2019 cho đến nay; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1981; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1976; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn S, Huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Vũ Thị Hồng T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Hồ Việt C, sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 01 đường L, tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Lê Nguyễn Thủy T, sinh năm 1970; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, Huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Bà Trương Thị Bích T, sinh năm 1972; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Bà Trang Lê D, sinh năm 1973; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 15, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 03, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Ông Trần Vũ B, sinh năm 1988; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 11, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Bà Đặng Thị, sinh năm 1981; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, Huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

13. Bà Cô Thị Minh H, sinh năm 1980; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

14. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 09, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Bà Trần Thị H, sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

16. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, Huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

17. Bà Võ Thị H, sinh năm 1966; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

18. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1968; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

19. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1968; vắng mặt.
Nơi cư trú: Số 25/14 đường L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

20. Bà Phan Thị T, sinh năm 1976; vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ 16, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

21. Bà Đào Thị P, sinh năm 1972; vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ 4, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

22. Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1986; vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

23. Bà Lê Thị Mai P, sinh năm 1965; vắng mặt.
Nơi cư trú: Số 05 đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

24. Bà Lưu Thị C, sinh năm 1972; vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

25. Bà Dương Thị N, sinh năm 1962; vắng mặt.

26. Bà Trần Thị P, sinh năm 1975; vắng mặt.

27. Bà Trần Thị D, sinh năm 1982; vắng mặt.
Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

28. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

29. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

30. Bà Lê Thị O, sinh năm 1978; vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ 17, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

31. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; có mặt.
Nơi cư trú: Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

32. Bà Tiêu Thị N, sinh năm 1969; vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ 23, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

33. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1989; vắng mặt.
Nơi cư trú: Số 69 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

34. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

35. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

36. Bà Trương Thị Phụng U, sinh năm 1982; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

37. Ông Lê Hoàng S, vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 224/6/3 đường U, phường , quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

38. Bà Nguyễn Thị H, vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp Tập P, xã L, Huyện L, tỉnh Đồng Nai.

39. Bà Lương Thị T, sinh năm 1969; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 3, Thị trấn S, Huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

40. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, Huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 10-01-2019, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B cùng với các đối tượng Tăng Đình H (ở tỉnh Lâm Đồng) và V (không xác định được nhân thân lai lịch) thuê nhà tại địa chỉ số 168 đường B, thuộc tổ 01, phường N, thành phố Q của bà Huỳnh Thị Ngọc P để ở. Trong thời gian thuê trọ tại đây, Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B, Tăng Đình H và V cùng góp vốn chung để hoạt động tín dụng đen trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi cho vay T, B, H và V in các tờ rơi quảng cáo, card visit với nội dung "Cho vay tiền góp không cần thế chấp" và in các số điện thoại 0935047966, 0932439823, 0967211297 và 0931946186 vào các tờ rơi quảng cáo, card visit. Sau đó nhóm của T đi phát tờ rơi và card visit ở các tuyến đường trên địa bàn thành phố Q, Huyện T và Huyện M để người vay biết và liên lạc qua số điện thoại vay tiền.

Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì gọi điện thoại cho T, B, H và V qua các số điện thoại 0935047966, 0932439823, 0967211297 và 0931946186 thì nhóm của T đến nhà hoặc hẹn gặp tại quán cà phê ... để giao dịch việc cho vay. T, B, H và V yêu cầu người vay cung cấp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu để quyết định việc cho vay. Khi T, B, H và V đồng ý cho vay tiền thì người vay thế chấp cho T, B, H và V giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy phép kinh doanh... bản chính hoặc bản photocopy. T, B, H và V cho vay khoảng tiền dao động từ 4.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và quy định lãi suất cho từng trường hợp vay cụ thể, lãi suất dao động từ 0,37%/ngày đến 1,06%/ ngày. Khi người vay đồng ý vay thì T, B, H và V giao tiền. Người vay viết giấy vay tiền có ghi cụ thể số tiền vay, ngày vay, người vay ký và ghi rõ họ tên. Theo thỏa thuận với người vay, tiền gốc và lãi T, B, H và V thu theo ngày. Ngoài ra T, B, H và V còn thu mỗi người vay tiền phí xăng, công đi thu với số tiền là từ 03 đến 05% của khoản tiền vay.

Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 10-01-2019, bà Lê Thị Mai P có vay của đối tượng V 03 lần, tổng số tiền là 25.000.000 đồng. Do không có tiền trả gốc và lãi là 7.500.000 đồng nên V cùng nhóm của mình đe dọa đánh bà P. Ngày 10-01-2019, khi Rơ Ông Ha B mang theo sổ hộ khẩu đến nhà bà P lấy tiền thì bị lực lượng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Q cùng Công an phường N mời về làm việc. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã thu giữ từ B 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng và 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen (B sử dụng để lưu số điện thoại người vay tiền và liên lạc với người vay lấy tiền ngày). Căn cứ vào người vay lưu số trong điện thoại di động, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã mời những người có tên trong danh bạ điện thoại của B làm việc. Tại đây, những người vay đã khai nhận vay tiền của các đối tượng T, B, H và V.

Quá trình mở rộng điều tra, ngày 13-01-2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã phát hiện Nguyễn Hoàng T đến địa bàn xã N, Huyện T và xã N, thành phố Q để lấy tiền người vay góp thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q mời về làm việc. Tại đây, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã thu giữ 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng và 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen (T sử dụng để lưu số điện thoại người vay tiền và liên lạc với người vay lấy tiền ngày). Căn cứ vào người vay lưu số trong điện thoại di động, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã mời những người có tên trong danh bạ điện thoại của T làm việc. Tại đây, những người vay đã khai nhận vay của đối tượng T, B, H và V.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q xác định, trong thời gian từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 10-01-2019, Nguyễn Hoàng T, B cùng với H và V cho 36 người vay tiền với lãi suất dao động từ 0,37%/ngày đến 1,06%/ngày, gấp từ 06 đến 19 lần lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 là 0,0548%/ngày (Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày). T, B, H và V cho 36 người vay với tổng cộng 127 lượt vay, với tổng số tiền vay là 1.144.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 240.616.713 đồng. Trong đó, số tiền lãi pháp luật cho phép là 20.134.267 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật cho phép là 220.482.446 đồng. Tiền phụ thu là 57.700.000 đồng. Ngoài ra, còn có một số người vay có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của T và B, Cơ quan điều tra đã tiến hành liên hệ nhưng những người này không hợp tác nên Cơ quan điều tra không làm việc được.

36 người vay từ bị cáo T và đồng bọn với lãi suất từ 0,37%- 1,06%/ngày (tương đương 11,1% - 31,8%/tháng hoặc 133,1% - 381,6%/năm) cụ thể:

1. Bà Võ Thị T đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2018, với mức lãi suất là 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 23.700.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 4.431.707 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 432.877 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.998.830 đồng;

2. Bà Trần Thị Kim C đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất là 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 32.700.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 6.114.634 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 597.261 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.517.374 đồng;

3. Bà Phạm Thị Thu H đã vay 05 lần, với tổng số tiền là 50.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 56.400.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 10.546.341 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.030.139 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.516.202 đồng;

4. Bà Nguyễn Thị T đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 17.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 tháng 12 năm 2018, với lãi suất 0,95%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 16.600.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 3.470.968 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 219.178 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.251.790 đồng;

5. Bà Vũ Thị Hồng T đã vay 05 lần, với tổng số tiền là 35.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%-0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 33.300.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 6.348.780 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 523.290 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.825.490 đồng;

6. Ông Hồ Việt C đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 11.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 2.129.032 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 150.685 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.978.347 đồng;

7. Bà Lê Nguyễn Thủy T đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 25.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất là 0,56%-0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 23.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 4.341.463 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 391.782 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.949.681 đồng;

8. Bà Trương Thị Bích T đã vay 15 lần, với tổng số tiền là 125.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%-0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 154.600.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 29.600.000 đồng; số tiền lãi 0,0548% ngày theo pháp luật quy định là 2.342.470 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 27.257.530 đồng;

9. Bà Trang Lê D đã vay 01 lần, với số tiền là 5.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 84.932 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.115.068 đồng;

10. Bà Đặng Thị T đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 15.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.450.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 3.450.000 đồng; số tiền lãi

theo pháp luật quy định là 336.986 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.113.014 đồng;

11. Ông Trần Vũ B đã vay 06 lần, với tổng số tiền là 85.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018, với lãi suất 0,56%- 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 104.950.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 19.950.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.690.411 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 18.259.589 đồng;

12. Bà Đặng Thị đã vay 08 lần, với tổng số tiền là 65.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 64.600.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 12.503.225 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 884.933 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 11.618.292 đồng;

13. Bà Cô Thị Minh H đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.300.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 3.421.951 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 334.247 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 3.087.704 đồng;

14. Bà Trần Thị H đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 8.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 01 năm 2019, với mức lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 1.080.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 59.171 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.020.829 đồng;

15. Bà Nguyễn Thị N đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,33%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 32.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 5.333.333 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 876.712 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.456.621 đồng;

16. Bà Lê Thị Kim C đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.300.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 2.300.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 224.658 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 2.075.342 đồng;

17. Bà Võ Thị H đã vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 4.600.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 890.322 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 63.014 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 827.308 đồng;

18. Bà Phạm Thị C đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 40.000.000 đồng trong thời gian tháng 7 năm 2018, với mức lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 438.357 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 7.561.643 đồng;

19. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã vay 04 lần, với tổng số tiền là 35.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%-0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 32.300.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 6.080.488 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 561.645 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.518.843 đồng;

20. Bà Phan Thị T đã vay 3 lần, với tổng số tiền là 27.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2018, với mức lãi suất 1,0%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 28.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 5.554.839 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 345.206 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 5.209.633 đồng;

21. Bà Đào Thị P đã vay 01 lần, với số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 11 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 900.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 168.293 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 16.438 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 151.854 đồng;

22. Bà Trần Thị Bích P đã vay 01 lần, với số tiền là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 387.096 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 27.397 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 359.700 đồng;

23. Bà Lê Thị Mai P đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 25.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 23.800.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 4.606.452 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 326.028 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.280.424 đồng;

24. Bà Lưu Thị C đã vay 01 lần, với số tiền là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 84.932 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.115.068 đồng;

25. Bà Dương Thị N đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 37.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 509.589 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 6.690.411 đồng;

26. Bà Trần Thị P đã vay 05 lần, với tổng số tiền là 67.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 năm 2018, với mức lãi suất 0,54%-1,06%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 85.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 18.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.631.233 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 16.368.767 đồng;

27. Bà Trần Thị D đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 24.800.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 4.800.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 339.727 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.460.273 đồng;

28. Bà Nguyễn Thị C đã vay 04 lần, với tổng số tiền là 40.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 42.600.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 7.965.854 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 778.084 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 7.187.770 đồng;

29. Bà Nguyễn Thị H đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 9.800.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 1.896.774 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 134.247 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.762.527 đồng;

30. Bà Lê Thị O đã vay 04 lần, với tổng số tiền là 40.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018 và tháng 01 năm 2019, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 44.400.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 8.302.439 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 810.960 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 7.491.479 đồng;

31. Bà Nguyễn Thị S đã vay 05 lần, với tổng số tiền là 50.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 53.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 9.974.194 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 953.427 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.020.767 đồng;

32. Bà Tiêu Thị N đã vay 05 lần, với tổng số tiền là 50.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 52.800.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 10.219.355 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 723.288 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 9.496.067 đồng;

33. Bà Huỳnh Thị H đã vay 03 lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,56%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 29.400.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 5.497.561 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 536.987 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.960.574 đồng;

34. Bà Nguyễn Thị K đã vay 01 lần, với số tiền là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 8 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 2.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 425.806 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 30.137 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 395.669 đồng;

35. Bà Nguyễn Thị Thu H đã vay 07 lần, với tổng số tiền là 70.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 84.800.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là 16.412.903 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.161.644 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 15.251.259 đồng;

36. Bà Trương Thị Phương U đã vay 06 lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018, với mức lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 35.200.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả là

6.812.903 đồng; số tiền lãi theo pháp luật quy định là 482.194 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 6.330.709 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B cùng các đối tượng H, V đã cho vay là 1.144.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), số tiền lãi đã thu là 240.616.713 đồng. Trong đó, số tiền lãi pháp luật cho phép là 20.134.246 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 220.482.446 đồng. Tiền phụ thu là 57.700.000 đồng.

** Vật chứng thu giữ của Nguyễn Hoàng T gồm:*

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 12.580.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen.
- 01 hộp mực, màu đỏ (đã qua sử dụng).
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị T;
- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S;
- 01 chứng minh nhân dân (photocopy) mang tên Nguyễn Hoàng T;
- 01 giấy bán xe;
- 01 giấy chứng nhận nộp tiền;
- 01 giấy nộp tiền;
- 01 giấy đề nghị CHÈN tiền/nộp tiền;
- 01 hóa đơn giá trị gia tăng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 60C1- 92415;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 mặt phật màu trắng;
- 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng;
- 01 dây kim loại màu vàng (không rõ chất liệu gì);
- 01 dây đeo tay có nhiều hạt tròn màu đen có gắn 01 hình con vật màu vàng;

** Vật chứng thu giữ của Rơ Ông Ha B gồm:*

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.900.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen;
- 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu xám đen bạc, biển số: 59S2-10728;

- 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thanh L.

** Vật chứng thu giữ khi khám xét tại phòng trọ:*

- 02 điện thoại Nokia màu đen loại 1034;
- 01 điện thoại di động Nokia màu xanh loại 1010;
- 01 giấy khai sinh mang tên Võ Cô Minh H;
- 01 trích lục khai sinh mang tên Võ Cô Minh H;
- 02 đôi giấy vở học sinh;
- 01 hộp mực màu đỏ;
- 01 cuốn vở học sinh;
- 01 thẻ nhớ.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 08-5-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Rơ Ông Ha B từ 09 đến 12 tháng tù.

Đối với đối tượng Tăng Đình H quê ở Lâm Đồng và đối tượng tên V quê ở Hà Nội đã góp vốn cùng với các bị cáo T, B để cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng nói trên nên tiếp tục xác minh và đề xuất xử lý sau là phù hợp.

** Về xử lý vật chứng:*

- Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã trả cho Nguyễn Hoàng T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 mặt phật màu trắng; 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 dây kim loại màu vàng (không rõ chất liệu gì); 01 dây đeo tay có nhiều hột tròn màu đen có gắn 01 hình con vật màu vàng; 02 điện thoại Nokia màu đen loại 1034; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh loại 1010; 01 cuốn vở học sinh; 01 thẻ nhớ và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 12.580.000 đồng;

- Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã trả cho Rơ Ông Ha B tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.900.000 đồng.

- Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã trả cho bà Lê Thị Mai P 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thanh L.

- Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã trả cho bà Cô Thị Minh H 01 giấy khai sinh mang tên Võ Cô Minh H và 01 trích lục khai sinh mang tên Võ Cô Minh H.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 02 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại Iphone màu đen. Đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng trong quá trình phạm tội. Do đó, đề nghị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với 02 hộp mực màu đỏ (đã qua sử dụng), đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền vốn mà các bị cáo đã cho vay là 1.144.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, tính đến thời điểm các bị cáo bị phát hiện hành vi phạm tội, số tiền vốn mà các bị cáo đã cho vay các bị cáo mới thu được 1.012.283.280 đồng, còn lại số tiền gốc mà

những người vay chưa trả là 131.716.720 đồng. Do đó, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu số tiền 1.012.283.280 đồng và buộc bà Nguyễn Thị T nộp 619.178 đồng, bà Vũ Thị Hồng T nộp 2.223.290 đồng, bà Lê Nguyễn Thủy T nộp 2.391.782 đồng, bà Đặng Thị nộp 1.284.933 đồng, bà Cô Thị Minh H nộp 2.034.247 đồng, bà Trần Thị H nộp 2.659.171 đồng, bà Võ Thị H nộp 463.014 đồng, bà Phạm Thị C nộp 438.357 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 3.261.645 đồng, bà Đào Thị P nộp 9.116.438 đồng, bà Trần Thị Bích P nộp 3.027.397 đồng, bà Lê Thị Mai P nộp 1.526.028 đồng, bà Nguyễn Thị H nộp 334.247 đồng, bà Huỳnh Thị H nộp 1.136.987 đồng và bà Nguyễn Thị K nộp 2.830.137 đồng để nộp và Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 20.134.246 đồng, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có và 57.700.000 đồng các bị cáo thu của người vay không có căn cứ pháp luật và 98.369.862 đồng thu lợi bất chính nên đề nghị tuyên truy thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với những giấy tờ gồm: 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị T, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S trả lại cho bà T và ông S.

- 01 chứng minh nhân dân (photocopy) mang tên Nguyễn Hoàng T, 01 giấy bán xe, 01 giấy chứng nhận nộp tiền, 01 giấy nộp tiền, 01 giấy đề nghị chuyển tiền/nộp tiền, 01 hóa đơn giá trị gia tăng, 02 đôi giấy vở học sinh kèm theo hồ sơ vụ án.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu xám đen bạc, biển số 59S2-10728 là xe B dùng làm phương tiện đi lấy tiền, chiếc xe này do anh Lê Hoàng S đứng tên đăng ký xe và xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 60C1- 92415 là xe T dùng phương tiện đi lấy tiền, chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị H đứng tên đăng ký xe nhưng hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh S và chị H. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã tra cứu thông tin các xe trên tại Phòng PC01- Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết quả tra cứu xác định xe có biển số 59S2- 10728 và xe có biển số 60C1- 92415 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu xám đen bạc, biển số 59S2-10728 và xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 60C1- 92415 Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh và đề nghị xử lý sau.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền vượt mức quy định gồm: Bà Võ Thị T 3.267.123 đồng, bà Trần Thị Kim C 2.102.739 đồng, bà Phạm Thị Thu H 5.369.861 đồng, ông Hồ Việt C 849.315 đồng, bà Trương Thị Bích T 27.257.530 đồng, bà Trang Lê D 1.115.068 đồng, bà Đặng Thị T 3.113.013 đồng, ông Trần Vũ B 18.259.589 đồng, bà Nguyễn Thị N 1.123.288 đồng, bà Lê Thị Kim C 2.075.342 đồng, bà Phan Thị T 854.794 đồng, bà Lưu Thị C 1.115.068 đồng, bà Dương Thị N 6.690.411 đồng, bà Trần Thị P 16.368.767 đồng, bà Trần Thị D 4.460.273 đồng, bà Nguyễn Thị C 1.821.916 đồng, bà Lê Thị O 3.589.040

đồng, bà Nguyễn Thị S 2.246.573 đồng, bà Tiêu Thị N 2.076.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H 13.638.356 đồng và bà Trương Thị Phương U 4.717.806 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 10-01-2019 Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B cùng với Tăng Đình H (chưa rõ nhân thân lai lịch) và đối tượng tên V (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện giao dịch dân sự với 36 cá nhân gồm các ông, bà Võ Thị T, Trần Thị Kim C, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị T, Vũ Thị Hồng T, Hồ Việt C, Lê Nguyễn Thủy T, Trương Thị Bích T, Trang Lê D, Đặng Thị T, Trần Vũ B, Đặng Thị, Cô Thị Minh H, Trần Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Kim C, Võ Thị H, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Thanh T, Phan Thị T, Đào Thị P, Trần Thị Bích P, Lê Thị Mai P, Lưu Thị C, Dương Thị N, Trần Thị P, Trần Thị D, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Lê Thị O, Nguyễn Thị S, Tiêu Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Thu H và Trương Thị Phương U vay với tổng số tiền là 1.144.000.000 đồng nhằm thu tiền lãi suất cao từ 133,2 đến 381,6%/năm, vượt quá mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm (gấp từ 06 đến 19 lần) để thu lợi bất chính với tổng số tiền 240.616.713 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B có đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm các bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện. Do

đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo tham gia với vai trò đều là người thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo nên, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Hoàng T có ông Nội và ông Ngoại là người có công cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Đối với đối tượng tên Tăng Đình H quê ở Lâm Đồng và đối tượng tên V quê ở Hà Nội đã góp vốn cùng với các bị cáo T, B để cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng nói trên nên tiếp tục xác minh và đề xuất xử lý sau là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho Nguyễn Hoàng T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 mặt phật màu trắng; 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 dây kim loại màu vàng (không rõ chất liệu gì); 01 dây đeo tay có nhiều hột tròn màu đen có gắn 01 hình con vật màu vàng; 02 điện thoại Nokia màu đen loại 1034; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh loại 1010; 01 cuốn vở học sinh; 01 thẻ nhớ là phù hợp. Riêng số tiền Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q không tạm giữ để đảm bảo thi hành án mà đã trả lại cho Nguyễn Hoàng T 12.580.000 đồng và Rơ Ông Ha B 1.900.000 đồng là không phù hợp.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thanh L cho bà Lê Thị Mai P là phù hợp.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả 01 giấy khai sinh mang tên Võ Cô Minh H và 01 trích lục khai sinh mang tên Võ Cô Minh H cho bà Cô Thị Minh H là phù hợp.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 02 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại Iphone màu đen mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) hộp mực màu đỏ (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-5-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Trả lại cho bà Lương Thị T 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị T và ông Nguyễn Văn S 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu xám đen bạc, biển số 59S2-10728 là xe B dùng làm phương tiện đi lấy tiền, chiếc xe này do anh Lê Hoàng S đứng tên đăng ký xe và xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 60C1- 92415 là xe T dùng phương tiện đi lấy tiền, chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị H đứng tên đăng ký xe nhưng hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh S và chị H. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q đã tra cứu thông tin các xe trên tại Phòng PC01- Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết quả tra cứu xác định xe có biển số 59S2- 10728 và xe có biển số 60C1- 92415 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu xám đen bạc, biển số 59S2-10728 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 60C1- 92415 Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước số tiền vốn các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Rơ Ông Ha B và các đồng phạm H, V đã dùng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là 1.012.283.287 đồng.

+ Buộc những người vay phải nộp số tiền vốn chưa trả đủ cho các bị cáo để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị T nộp 619.178 đồng,
- Bà Vũ Thị Hồng T nộp 2.223.290 đồng,
- Bà Lê Nguyễn Thủy T nộp 2.391.782 đồng,
- Bà Đặng Thị nộp 1.284.933 đồng,
- Bà Cô Thị Minh H nộp 2.034.247 đồng ,
- Bà Trần Thị H nộp 2.659.171 đồng,
- Bà Võ Thị H nộp 463.014 đồng,
- Bà Phạm Thị C nộp 438.357 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 3.261.645 đồng,
- Bà Đào Thị P nộp 9.116.438 đồng,
- Bà Trần Thị Bích P nộp 3.027.397 đồng,
- Bà Lê Thị Mai P nộp 1.526.028 đồng,
- Bà Nguyễn Thị H nộp 334.247 đồng,
- Bà Huỳnh Thị H nộp 1.136.987 đồng,
- Bà Nguyễn Thị K nộp 2.830.137 đồng.

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước số tiền lãi mà các bị cáo đã thu của những người vay trong mức pháp luật cho phép là 20.134.267 đồng và tiền phạt thu là 57.700.000 đồng, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B phải trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định với tổng số tiền là 122.112.584 đồng. Cụ thể, trả cho những người sau đây:

- Bà Võ Thị T 3.267.123 đồng,
- Bà Trần Thị Kim C 2.102.739 đồng,
- Bà Phạm Thị Thu H 5.369.861 đồng,
- Ông Hồ Việt C 849.315 đồng,
- Bà Trương Thị Bích T 27.257.530 đồng,
- Bà Trang Lê D 1.115.068 đồng,
- Bà Đặng Thị T 3.113.013 đồng,
- Ông Trần Vũ B 18.259.589 đồng,
- Bà Nguyễn Thị N 1.123.288 đồng,
- Bà Lê Thị Kim C 2.075.342 đồng,
- Bà Phan Thị T 854.794 đồng,
- Bà Lưu Thị C 1.115.068 đồng,
- Bà Dương Thị N 6.690.411 đồng,
- Bà Trần Thị P 16.368.767 đồng,
- Bà Trần Thị D 4.460.273 đồng,
- Bà Nguyễn Thị C 1.821.916 đồng,
- Bà Lê Thị O 3.589.040 đồng,
- Bà Nguyễn Thị S 2.246.573 đồng,
- Bà Tiêu Thị N 2.076.712 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thu H 13.638.356 đồng,
- Bà Trương Thị Phương U 4.717.806 đồng.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định với tổng số tiền là 98.369.862 đồng (220.482.446 đồng - 122.112.584 đồng) sung ngân sách nhà nước.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt có phần nghiêm khắc, về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B cùng phải chịu 6.106.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 07 (bảy) tháng 20 (hai mươi) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 14-01-2019 đến ngày 03-9-2019; trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Rơ Ông Ha B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt bị cáo Rơ Ông Ha B 07 (bảy) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 11-01-2019 đến ngày 03-9-2019; trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 02 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại Iphone màu đen mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) hộp mực màu đỏ (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-5-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Trả lại cho bà Lương Thị T 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị T và ông Nguyễn Văn S 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B liên đới nộp số tiền là 1.188.487.416đ (Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm mười sáu đồng) sung ngân sách nhà nước.

+ Buộc những người vay phải nộp số tiền vốn chưa trả đủ cho các bị cáo để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị T nộp 619.178 đồng,

- Bà V Thị Hồng T nộp 2.223.290 đồng,

- Bà Lê Nguyễn Thủy T nộp 2.391.782 đồng,

- Bà Đặng Thị nộp 1.284.933 đồng,

- Bà Cô Thị Minh H nộp 2.034.247 đồng ,
- Bà Trần Thị H nộp 2.659.171 đồng,
- Bà Võ Thị H nộp 463.014 đồng,
- Bà Phạm Thị C nộp 438.357 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 3.261.645 đồng,
- Bà Đào Thị P nộp 9.116.438 đồng,
- Bà Trần Thị Bích P nộp 3.027.397 đồng,
- Bà Lê Thị Mai P nộp 1.526.028 đồng,
- Bà Nguyễn Thị H nộp 334.247 đồng,
- Bà Huỳnh Thị H nộp 1.136.987 đồng,
- Bà Nguyễn Thị K nộp 2.830.137 đồng.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B phải liên đới trả lại cho những người vay với tổng số tiền là 122.112.584đ (Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng). Cụ thể, trả cho những người sau đây:

- Bà Võ Thị T 3.267.123 đồng,
- Bà Trần Thị Kim C 2.102.739 đồng,
- Bà Phạm Thị Thu H 5.369.861 đồng,
- Ông Hồ Việt C 849.315 đồng,
- Bà Trương Thị Bích T 27.257.530 đồng,
- Bà Trang Lê D 1.115.068 đồng,
- Bà Đặng Thị T 3.113.013 đồng,
- Ông Trần Vũ B 18.259.589 đồng,
- Bà Nguyễn Thị N 1.123.288 đồng,
- Bà Lê Thị Kim C 2.075.342 đồng,
- Bà Phan Thị T 854.794 đồng,
- Bà Lưu Thị C 1.115.068 đồng,
- Bà Dương Thị N 6.690.411 đồng,
- Bà Trần Thị P 16.368.767 đồng,
- Bà Trần Thị D 4.460.273 đồng,
- Bà Nguyễn Thị C 1.821.916 đồng,
- Bà Lê Thị O 3.589.040 đồng,
- Bà Nguyễn Thị S 2.246.573 đồng,

- Bà Tiêu Thị N 2.076.712 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thu H 13.638.356 đồng,
- Bà Trương Thị Phương U 4.717.806 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hoàng T và Rơ Ông Ha B cùng phải chịu 6.106.000đ (Sáu triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Q;
- CQCSĐT CATP Q;
- CATP Q (Bộ phận lưu trữ, NV);
- CQTHAHS CATP Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Hoa